

Số: **169/2020/QĐST-HNGĐ**

TP. Tuyên Quang, ngày 23 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tá S**, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: Thôn LT, xã DL, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

Tạm trú: Tổ x, phường HT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1999.

Nơi ĐKKHKT: Thôn LT, xã DL, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh.

Tạm trú: Tổ x, phường HT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và S dụng án phí, lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tá S và chị Vũ Thị T.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Tá Anh K, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2017 cho anh Nguyễn Tá S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Vũ Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Tá S và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Tá S và chị Vũ Thị T cùng xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Anh Nguyễn Tá S và chị Vũ Thị T cùng xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về án phí*: Anh Nguyễn Tá S tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000415 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Tá S số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Vũ Thị T không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. TQ (2 bản);
- Chi cục THADS thành phố TQ (để thi hành);
- UBND xã DL, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. TQ.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn